

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐỐI CHIẾU ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO THUẬT NGỮ THỜI TRANG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT XÉT TỪ PHƯƠNG THỨC CẤU TẠO VÀ ĐẶC ĐIỂM TỪ LOẠI HOÀNG THỊ HUỆ*

TÓM TẮT: Thuật ngữ thời trang là những từ, cụm từ biểu thị các khái niệm, đối tượng, sự vật, hiện tượng, tính chất, hoạt động... của ngành thời trang. Việc nghiên cứu, tìm hiểu về thuật ngữ thời trang, đặc biệt là so sánh đối chiếu về thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt có ý nghĩa thiết thực đối với khoa học và thực tiễn đời sống xã hội ngày nay. Dựa trên các cơ sở lý thuyết và nguồn tư liệu khảo sát thực tế, bài viết miêu tả, phân tích và so sánh đối chiếu đặc điểm cấu tạo của các thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt xét từ phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại. Từ đó, tác giả rút ra được những nhận xét, đánh giá cụ thể nhất về những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng.

TỪ KHÓA: đối chiếu; đặc điểm cấu tạo; thuật ngữ thời trang; phương thức cấu tạo; đặc điểm từ loại.

NHẬN BÀI: 6/9/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/11/2022

1. Đặt vấn đề

So sánh, đối chiếu đặc điểm cấu tạo thuật ngữ trong các hệ ngôn ngữ là một trong những nội dung thiết yếu trong các công trình nghiên cứu về đối chiếu thuật ngữ. Căn cứ vào các tiêu chuẩn về thuật ngữ và dựa vào các tính chất đặc thù chuyên môn của ngành thời trang, 1.162 thuật ngữ thời trang tiếng Anh và 1.190 thuật ngữ thời trang tiếng Việt đã được chúng tôi nhận diện và lựa chọn từ các từ điển, giáo trình chuyên ngành, sách báo, tạp chí về thời trang bằng tiếng Anh và tiếng Việt để làm cơ sở ngữ liệu khảo sát. Trong số các thuật ngữ này có 12/1.162 thuật ngữ tiếng Anh có dạng viết tắt. Từ đây, chúng tôi sẽ tiến hành miêu tả, so sánh đối chiếu đặc điểm cấu tạo của 1.150 thuật ngữ tiếng Anh và 1.190 thuật ngữ tiếng Việt xét từ phương diện phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại.

2. Nội dung

2.1. Một số cơ sở lý thuyết về thuật ngữ

2.1.1. Khái niệm "thời trang"

Khái niệm *thời trang* (*fashion*) được giải thích trong từ điển Oxford là "*một phong cách phổ biến, thịnh hành nhất về trang phục, kiểu tóc, trang trí (A popular or the latest style of clothing, hair, decoration, or behaviour)*". Theo Từ điển tiếng Việt (2003), khái niệm *thời trang* được hiểu một cách ngắn gọn hơn, đó là "*cách ăn mặc, trang điểm trong xã hội trong một thời gian nào đó*" [4; tr.956]. Tương tự như trên, định nghĩa về *thời trang* được trình bày trong từ điển tiếng Việt online là: "*cách ăn mặc, trang điểm được ưa chuộng trong một thời gian nào đó*". Như vậy, có thể hiểu thời trang là một phong cách thịnh hành về trang phục, giày dép, phụ kiện, trang điểm, kiểu tóc. Bên cạnh đó, thời trang thể hiện những sáng tạo mới nhất của các nhà thiết kế trên trang phục, giày dép, phụ kiện, trang sức, cách trang điểm và kiểu tóc.

Trong bài viết này, khái niệm *thời trang* được áp dụng để nghiên cứu về các thuật ngữ chỉ những phong cách, xu hướng, kiểu dáng phổ biến và hiện đại của trang phục mặc ngoài, giày dép, phụ kiện, trang sức cũng như các thuật ngữ chỉ con người, sự vật, sự kiện, chất liệu và hoạt động liên quan đến thời trang; không áp dụng đối với nghiên cứu về các thuật ngữ về trang phục lót, đồ bơi, trang điểm và tóc.

2.1.2. Khái niệm "thuật ngữ thời trang"

Từ sự tìm hiểu về những nội dung cơ bản của ngành thời trang nêu trên, kết hợp với sự nghiên

* TS; Trường Đại học Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa; Email: hoangthihue@dvttdt.edu.vn

cứu về định nghĩa thuật ngữ, khái niệm “thuật ngữ thời trang” trong bài viết này có thể được hiểu là: *những từ, cụm từ biểu thị các khái niệm, đối tượng, sự vật, hiện tượng, tính chất, hoạt động.....của ngành thời trang thuộc hai dòng: thời trang ứng dụng và thời trang cao cấp*. Định nghĩa này sẽ là cơ sở để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu các nội dung tiếp theo trong bài viết.

2.1.3. Đơn vị cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt

Trong tiếng Anh, *hình vị* (morpheme) được coi là đơn vị cấu tạo từ. Theo định nghĩa của Richards J., Platt J. và Weber H. (1987): “*A morpheme is the smallest meaningful unit in a language* (Hình vị là một đơn vị có nghĩa nhỏ nhất trong ngôn ngữ)” (tr.183). Như vậy, hình vị được xem là một đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa từ vựng. Theo đó, có hai loại hình vị: *hình vị tự do* (free morpheme) và *hình vị hạn chế* (bound morpheme).

Hình vị tự do - hay còn gọi là hình vị độc lập - có khả năng xuất hiện với tư cách những từ độc lập hoặc kết hợp với nhiều hình vị khác nhưng nghĩa từ vựng không đổi. Ví dụ: *dress, skirt, cap, ring, bag...* hay *model* trong *supermodel* (siêu mẫu), *bag* trong *handbag* (túi xách)...Hình vị tự do có khả năng sử dụng độc lập nên nó hoạt động độc lập trong ngôn ngữ giao tiếp với vai trò của một đơn vị từ vựng.

Hình vị hạn chế hay còn gọi là hình vị phụ thuộc, chỉ có thể xuất hiện trong tư thế đi kèm, phụ thuộc vào hình vị khác. Để được sử dụng và hoạt động trong ngôn ngữ giao tiếp với vai trò của một đơn vị từ vựng, hình vị hạn chế phải kết hợp với hình vị khác để cấu tạo thành động từ, danh từ hay tính từ. Ví dụ: *-er* trong *designer*; *-able* trong *fashionable*, *-ion* trong *collection*,...Hình vị hạn chế còn được chia thành hai loại: hình vị biến tố và hình vị phái sinh. *Hình vị biến tố* là những hình vị làm biến đổi dạng thức của từ để biểu thị quan hệ giữa từ này với từ khác trong câu. Ví dụ: *shoes, tregging...* *Hình vị phái sinh* là những hình vị biến đổi một từ hiện có cho một từ mới. Ví dụ: *style - stylish, design - designer...*

Trong bài viết này, chúng tôi không xét đến *hình vị biến tố* - loại hình vị mang ý nghĩa ngữ pháp, mà chỉ xét đến *hình vị tự do* và *hình vị phái sinh* - loại hình vị mang ý nghĩa từ vựng.

Khái niệm về hình vị cũng được các nhà ngôn ngữ học trong nước quan tâm nghiên cứu. Tác giả Nguyễn Tài Căn (1994) đưa ra định nghĩa: “*Hình vị là đơn vị nhỏ nhất mà có mang ý nghĩa, mang giá trị ngữ pháp*” [tr.67]. Đồng quan điểm này, nhóm tác giả Mai Ngọc Chừ, Hoàng Trọng Phiến, Vũ Đức Nghiệu (1997) nêu rõ: hình vị là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có nghĩa và/ hoặc có giá trị (chức năng) về mặt ngữ pháp. [tr.139-142].

Bài viết kế thừa quan điểm của các nhà khoa học Âu Mỹ, thống nhất coi hình vị là đơn vị nhỏ nhất dùng để cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Hình vị được hiểu là đơn vị nhỏ nhất có ý nghĩa từ vựng, là đơn vị giới hạn cuối cùng khi phân tích các yếu tố cấu tạo từ.

2.1.4. Yếu tố cấu tạo thuật ngữ thời trang

Các nhà ngôn ngữ học Xô viết đã có nhiều nghiên cứu về yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Theo các tác giả Lotte D.S, Daninenko V.P và Kandelijaki T.L, yếu tố cấu tạo thuật ngữ “*có thể là hình vị trong từ đơn, là từ (thậm chí là kết hợp từ) trong thuật ngữ là từ tố; như vậy thuật ngữ có thể gồm một hay hơn một yếu tố cấu tạo thuật ngữ. Mỗi yếu tố thuật ngữ tương ứng với khái niệm hay tiêu chí của khái niệm trong lĩnh vực chuyên môn nào đó*” [dẫn theo Hà Quang Năng và cộng sự, tr.20]. Tác giả Hà Quang Năng (2012) coi yếu tố cấu tạo thuật ngữ là *ngữ tố* - “*đó là đơn vị giới hạn cuối cùng khi phân tích thành tố trực tiếp trong tiếng Việt*”. [tr.140].

Tiếp thu quan điểm nghiên cứu của các học giả ngôn ngữ trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy các tác giả đều chung một quan niệm cho rằng: mỗi yếu tố cấu tạo thuật ngữ đều biểu thị khái niệm của một ngành khoa học hoặc một lĩnh vực chuyên môn nhất định và trong cấu tạo thuật ngữ, mỗi yếu tố cấu tạo đều có nghĩa từ vựng. Chúng tôi thống nhất gọi yếu tố cấu tạo thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt là *thành tố*. Theo đó, thành tố (cách gọi trong bài viết) là yếu tố cấu tạo nên thuật ngữ. Mỗi *thành tố* chứa đựng một khái niệm, hoặc một phần khái niệm, hoặc một đặc trưng khái niệm của lĩnh vực thời trang. Mỗi thành tố là một yếu tố có ý nghĩa từ vựng khi tham gia cấu tạo thuật ngữ. Ví dụ, trong tiếng Việt: *mùa, hơi thở, dòng, thời trang, cá tính, phong cách...* được gọi là những thành tố vì chúng tham gia cấu tạo các thuật ngữ khác nhau trong ngành thời trang: *mùa/ thời*

trang, hơi thở/ thời trang, dòng/ thời trang, phong cách/cá tính; trong tiếng Anh, các thành tố: *dress, house, pencil, skirt, ...* được kết hợp để tạo thành các thuật ngữ: *house /dress, pencil/skirt, ...*

2.1.5. Hình thức cấu tạo thuật ngữ

Dựa theo nguyên tắc cấu tạo từ trong tiếng Anh và tiếng Việt, chúng tôi phân chia các thuật ngữ thời trang tiếng Anh thành thuật ngữ có cấu tạo là *từ* (bao gồm từ đơn, từ ghép và từ phái sinh) và thuật ngữ có cấu tạo là *cụm từ định danh*. Thuật ngữ thời trang tiếng Việt cũng được phân chia thành thuật ngữ có cấu tạo là *từ* (bao gồm từ đơn, từ ghép) và thuật ngữ có cấu tạo là *cụm từ định danh*.

2.1.6. Phương thức cấu tạo từ

Phương thức cấu tạo từ là cách thức và phương tiện được sử dụng trong các ngôn ngữ để hình thành các kiểu cấu tạo từ.

a) Phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh

Từ trong tiếng Anh được tạo ra từ các phương thức cơ bản: phái sinh (thêm phụ tố), ghép và viết tắt.

Thêm phụ tố (tiền tố và hậu tố) là phương thức kết hợp một căn tố (chính tố) với phụ tố để tạo ra từ mới. Ví dụ: *super+model = supermodel* (thêm tiền tố “*super*”), *sleeve + less = sleeveless* (thêm hậu tố “*less*”),... Những từ được tạo ra theo phương thức này được gọi là từ phái sinh. Phương thức thêm phụ tố vẫn được coi là phương thức đặc trưng cho các ngôn ngữ biến hình, trong đó có tiếng Anh.

Ghép là phương thức kết hợp các hình vị với nhau theo một trật tự nhất định để tạo ra từ mới. Ví dụ: *sun + dress = sun dress, hot + trend = hot trend, ...* Những từ được tạo ra theo phương thức này được gọi là từ ghép và cụm từ. Ghép được coi là phương thức được sử dụng phổ biến trong các ngôn ngữ.

Viết tắt cũng là một phương thức cấu tạo từ khá phổ biến trong tiếng Anh. Cách viết tắt từ thường được thực hiện bằng cách lấy chữ cái đầu của một chuỗi từ bao gồm hai từ trở lên để tạo thành từ mới, ví dụ: *NTM* là dạng viết tắt của *Next Top model*; hoặc rút ngắn từ để tạo thành từ mới đơn giản hơn, ví dụ: *Capris* là dạng viết tắt của *Capri pants, ...*

b) Phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt

Qua nghiên cứu tài liệu, chúng tôi nhận thấy các nhà khoa học ngôn ngữ đều đưa ra kết luận rằng: trong tiếng Việt, phương thức cấu tạo từ chủ yếu là phương thức ghép, viết tắt và láy.

Ghép là phương thức kết hợp các hình vị cùng tính chất với nhau theo một trật tự nhất định để tạo ra từ mới, ví dụ như: *hiện đại, thời trang, ...* Những từ được tạo ra theo phương thức này được gọi là từ ghép và cụm từ. Căn cứ vào tính chất của mối quan hệ về nghĩa giữa các thành tố cấu tạo, từ ghép trong tiếng Việt bao gồm hai loại: từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ. Từ ghép đẳng lập là những từ có các thành tố cấu tạo có quan hệ bình đẳng với nhau về nghĩa, ví dụ: *phối trộn, diêm bèo, ...* Từ ghép chính phụ là những từ có thành tố cấu tạo này phụ thuộc vào thành tố cấu tạo kia, thành tố phụ có vai trò phân loại, chuyên biệt hoá và sắc thái hoá cho thành tố chính. Ví dụ: *kết hợp, cộng màu, ...* Theo nguyên tắc cấu tạo từ tiếng Việt, cụm từ được hình thành bởi sự kết hợp các từ với nhau theo những quan hệ khác nhau, ví dụ: *quần ống loe xẻ vạt, tạo chiều sâu trang phục, ...*

Viết tắt là một hiện tượng mang tính phổ quát trong nhiều ngôn ngữ, trong đó có tiếng Việt. Phương thức này được áp dụng khi người sử dụng ngôn ngữ muốn tiết kiệm ngôn ngữ viết trong hoạt động giao tiếp bằng văn bản. Người Việt thường thực hiện cách viết tắt từ bằng cách lấy chữ cái đầu của một chuỗi từ bao gồm hai từ trở lên để tạo thành từ mới. Ví dụ: *câu lạc bộ* được viết thành *CLB*; *ban tổ chức* được viết tắt thành *BTC*... Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng tôi không tìm thấy sự có mặt của các thuật ngữ tiếng Việt là từ viết tắt.

Láy là phương thức lặp lại toàn bộ hay một bộ phận từ gốc để tạo ra từ mới. Ví dụ: *cao cao, nhỏ nhỏ, ...* Những từ được tạo ra theo phương thức này được gọi là từ láy. Đây là phương thức được sử dụng phổ biến trong các ngôn ngữ không biến hình, trong đó có tiếng Việt. Tuy vậy, không có thuật ngữ tiếng Việt nào có cấu tạo là từ láy xuất hiện trong khảo sát nghiên cứu của chúng tôi

2.2. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh xét từ phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại

Như đã phân tích ở trên, thuật ngữ thời trang tiếng Anh được cấu tạo bằng các phương thức cấu tạo từ tiếng Anh. Do vậy, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh sẽ bao gồm các loại từ: từ đơn, từ phái sinh, từ ghép, từ viết tắt và cụm từ. Trong bài viết, kết quả khảo sát đặc điểm từ loại chỉ thực hiện đối với 1150 thuật ngữ tiếng Anh, không thực hiện khảo sát đối với 12 thuật ngữ là từ viết tắt. Sau đây, chúng tôi sẽ đưa ra các kết quả phân tích cụ thể.

2.2.1. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ đơn

Trong số 1150 thuật ngữ thời trang tiếng Anh, chúng tôi nhận diện được 143 thuật ngữ có cấu tạo là từ đơn. Bảng 1 sẽ trình bày cụ thể về đặc điểm từ loại của thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ đơn.

Bảng 1. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là từ đơn

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ đơn	Danh từ	134	11,65
	Động từ	05	0,43
	Tính từ	04	0,34
Tổng		143/1150	

Trong số 143 thuật ngữ tiếng Anh có cấu tạo là từ đơn, có 134 thuật ngữ là danh từ (11,65%), ví dụ: *agate* (đá mã não), *belt* (thắt lưng)...; 05 thuật ngữ là tính từ (0,43%), ví dụ: *nude* (màu da, xuyên thấu), *chic* (thanh lịch, hợp thời trang)...; và có 04 thuật ngữ là động từ (0,34%), ví dụ: *match* (kết hợp), *mix* (phối đồ),...

Như vậy, với số liệu khảo sát này, chúng tôi nhận thấy: trong các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ đơn, danh từ chiếm số lượng nổi trội; trong khi đó, tính từ và động từ chiếm số lượng rất ít.

2.2.2. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép

Kết quả khảo sát đặc điểm từ loại của các thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ ghép	Danh từ	645	56,08
	Động từ	01	0,08
	Tính từ	06	0,52
Tổng		652/1.150	

Trong số 652 thuật ngữ là từ ghép có 645 thuật ngữ là danh từ (56,08%), ví dụ: *catwalk* (sàn diễn), *ankle boots* (giày cao cổ),... có 06 thuật ngữ là tính từ (0,52%): *handmade* (sản xuất thủ công), *secondhand* (cũ),... và 01 thuật ngữ là động từ: *tie-dye* (tạo ra họa tiết nhuộm màu trên vải), chiếm tỉ lệ 0,08%.

Với các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép, danh từ vẫn chiếm số lượng nhiều nhất; trong khi đó động từ và tính từ xuất hiện với tỉ lệ không đáng kể.

2.2.3. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh

Thuật ngữ là từ phái sinh chỉ tồn tại trong tiếng Anh. Số liệu khảo sát đặc điểm từ loại của thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh được thể hiện trong bảng 3 như sau:

Bảng 3. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ phái sinh (thêm tiền tố)	Danh từ	04	0,34
Từ phái sinh (thêm hậu tố)	Danh từ	23	2,0
	Tính từ	11	0,95
Từ phái sinh (thêm cả tiền tố và hậu tố)	Tính từ	01	0,08
Tổng		39/1.150	

Số liệu khảo sát tại bảng 3 cho thấy sự có mặt của 04 thuật ngữ là từ phái sinh thêm tiền tố, 34 thuật ngữ là từ phái sinh thêm hậu tố và 01 thuật ngữ là từ phái sinh thêm cả tiền tố và hậu tố.

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh thêm tiền tố được cấu tạo bằng sự kết hợp giữa một hình vị tự do (gốc từ) và một tiền tố. Tại bảng 3 xuất hiện 04 từ phái sinh thêm tiền tố (0,34%), tất cả đều là danh từ, ví dụ: *monochrome* (đơn sắc) = mono + chrome, *multicolor* (đa màu sắc) = multi + color,...

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh thêm hậu tố được cấu tạo bằng sự kết hợp giữa một hình vị tự do (gốc từ) và một hậu tố. Tại bảng 3 có sự hiện diện của 34 từ phái sinh thêm hậu tố, trong đó có 23 danh từ (2%), ví dụ: *stylist* (nhà thiết kế) = style + ist, *collection* (bộ sưu tập) = collect + ion,... và 11 tính từ (0,95%), ví dụ: *backless* (hở lưng) = back + less, *classic* (cổ điển) = class + ic,...

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh thêm cả tiền tố và hậu tố được cấu tạo bằng sự kết hợp bằng 1 chính tố kết hợp với 1 tiền tố và 1 hậu tố. Theo đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát được 01 thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh (tính từ) thêm cả tiền tố và hậu tố (0,08%), đó là: *monochromatic* = mono + chromate + ic.

Có thể thấy, thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh được cấu tạo chủ yếu ở dạng danh từ. Số lượng thuật ngữ là tính từ chiếm số lượng không đáng kể; không có thuật ngữ là động từ có mặt trong kết quả khảo sát này.

2.2.4. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh

Trong tiếng Anh, cụm từ định danh là sự kết hợp của tổ hợp từ. Cụm từ định danh còn được gọi là từ tổ hoặc ngữ. Trong mỗi cụm từ định danh, có một *thành tố chính* đóng vai trò chủ yếu về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa, đồng thời kèm theo các từ phụ thuộc vào thành tố chính gọi là các *thành tố phụ*. Thành tố chính của cụm từ có thể là danh từ (tạo nên cụm danh từ), tính từ (tạo nên cụm tính từ), động từ (tạo nên cụm động từ). Trong bài viết này, đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh được xét theo thành tố chính (danh từ/ động từ/ tính từ) và được miêu tả cụ thể trong bảng sau:

Bảng 4. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Cụm từ định danh	Cụm danh từ	316	27,47
	Cụm động từ	0	0
	Cụm tính từ	0	0
Tổng		316/1150	

Với số liệu khảo sát đạt được, chúng tôi nhận thấy, 316 thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh đều xuất hiện ở dạng cụm danh từ, ví dụ: *wide spread collar* (cổ áo rộng), *waist tie dress* (đầm thắt eo)... Không có sự hiện diện của thuật ngữ là cụm động từ và cụm tính từ.

2.3. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Việt xét từ phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại

Thuật ngữ thời trang tiếng Việt được tạo lập theo nguyên tắc cấu tạo từ của ngữ pháp tiếng Việt. Do đó, các thuật ngữ thời trang tiếng Việt sẽ bao gồm từ đơn, từ ghép và cụm từ định danh. Sau đây, chúng tôi đưa ra kết quả phân tích cụ thể:

2.3.1. Thuật ngữ thời trang tiếng Việt là từ đơn

Số liệu nghiên cứu về đặc điểm từ loại của các thuật ngữ tiếng Việt là từ đơn được thể hiện cụ thể trong bảng 5 như sau:

Bảng 5. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Việt là từ đơn

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ đơn	Danh từ	31	2,6
	Động từ	02	0,16
Tổng		33/1190	

Với ngữ liệu khảo sát là 1.190 thuật ngữ thời trang tiếng Việt, chúng tôi tìm thấy 33/1190 thuật ngữ là từ đơn (2,77%). Trong số này có 31 thuật ngữ là danh từ, ví dụ: *đầm, giày,...* và 02 thuật ngữ là động từ, đó là: *mix, sơ vin*; không có sự xuất hiện của thuật ngữ là tính từ. Như vậy, các thuật ngữ là danh từ vẫn luôn chiếm tỉ lệ vượt trội hơn so với số lượng thuật ngữ là loại từ khác.

2.3.2. Thuật ngữ thời trang tiếng Việt là từ ghép

Thuật ngữ thời trang tiếng Việt là từ ghép bao gồm từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập. Chúng tôi có số liệu khảo sát trong bảng 6 như sau:

Bảng 6. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Việt là từ ghép

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ ghép đẳng lập	Danh từ	04	0,33
	Động từ	02	0,16
Từ ghép chính phụ	Danh từ	507	42,6
	Động từ	34	2,85
	Tính từ	02	0,16
Tổng		549/1.190	

Tại bảng 6, chúng tôi tìm thấy sự có mặt của 06 thuật ngữ là từ ghép đẳng lập, bao gồm 04 thuật ngữ là danh từ (0,33%), ví dụ: *điềm bèo, kiểu dáng,...* và 02 thuật ngữ là động từ (0,16%), đó là: *phối trộn, pha trộn*. Trong số các thuật ngữ là từ ghép chính phụ có 507 thuật ngữ là danh từ (42,6%), ví dụ: *mẫu mốt, thâm đỏ,...*; có 34 thuật ngữ là động từ (2,85%), ví dụ: *cộng màu, kết hợp,...*; và 02 thuật ngữ là tính từ (0,16%), đó là: *lỗi mốt, ngoại cỡ*. Có thể nói, thuật ngữ tiếng Việt là từ ghép chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số 1.190 thuật ngữ được khảo sát. Đồng thời, trong số này, thuật ngữ là danh từ vẫn luôn giữ tỉ lệ vượt trội so với các thuật ngữ là loại từ khác.

2.3.3. Thuật ngữ thời trang tiếng Việt là cụm từ định danh

Thuật ngữ thời trang tiếng Việt là cụm từ định danh được hiểu là một tổ hợp từ, trong đó có một thành tố chính và (các) thành tố phụ. Thành tố chính có thể là danh từ/ động từ/ tính từ. Thành tố phụ là các từ phụ thuộc vào thành tố chính và bổ nghĩa cho thành tố chính. Cụm từ định danh bao gồm cụm từ chính phụ và cụm từ đẳng lập. Tuy nhiên, theo tư liệu khảo sát, chúng tôi không tìm thấy sự hiện diện của thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ đẳng lập. Chúng tôi trình bày số liệu nghiên cứu trong bảng 7 như sau:

Bảng 7. Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ định danh

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Cụm từ định danh	Cụm danh từ	589	49,49
	Cụm động từ	19	1,59
Tổng		608/1190	

Số liệu khảo sát ở bảng 7 cho thấy, 608 thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ định danh đều xuất hiện ở dạng cụm từ chính phụ. Trong đó, cụm danh từ chiếm số lượng nổi bật (589 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 49,49%), cụm động từ xuất hiện với số lượng rất ít (19 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 1,59%) và không có sự xuất hiện của cụm tính từ. Trong cấu tạo cụm danh từ, danh từ đứng đầu tiên là thành tố chính và các từ kết hợp kèm theo có chức năng bổ nghĩa cho thành tố chính, ví dụ: *giày mũi nhọn để bệt, váy liền áo hở ngực,...* Trong cấu tạo cụm động từ, thành tố chính là động từ đứng đầu tiên, các thành tố phụ đứng sau bổ sung và làm rõ nghĩa cho thành tố chính, ví dụ: *vẽ diễn họa thiết kế trang phục, chiêm sòng xu hướng thời trang,...*

Như vậy, trong tiếng Việt, thuật ngữ là cụm danh từ hiện diện với số lượng chiếm ưu thế. Trong khi đó, thuật ngữ là cụm động từ xuất hiện với tần suất rất ít.

2.4. Đối chiếu đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh và tiếng Việt xét từ phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại

Sau khi phân tích và so sánh đối chiếu các đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ thời trang tiếng Anh và tiếng Việt xét từ phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại, chúng tôi nhận thấy những điểm tương đồng và khác biệt như sau:

2.4.1. Về phương thức cấu tạo

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh: Như chúng tôi đã phân tích ở trên, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh được cấu tạo theo các phương thức cấu tạo từ của tiếng Anh: thêm phụ tố (tiền tố hoặc hậu tố), ghép từ và viết tắt. Theo đó, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh có cấu tạo là từ đơn, từ ghép, từ phái sinh, từ viết tắt và cụm từ định danh. Với số lượng từ ghép chiếm ưu thế nhất so với các loại từ khác, chúng tôi nhận thấy: ghép từ là phương thức chính để cấu tạo nên thuật ngữ thời trang tiếng Anh; trong khi đó, phương thức thêm phụ tố và viết tắt tạo ra số lượng thuật ngữ không đáng kể.

Thuật ngữ thời trang tiếng Việt: Kết quả khảo sát cũng cho thấy các thuật ngữ thời trang tiếng Việt được cấu tạo theo phương thức cấu tạo từ tiếng Việt. Theo đó, các thuật ngữ thời trang tiếng Việt được cấu tạo dưới dạng: từ đơn, từ ghép (từ ghép chính phụ, từ ghép đẳng lập) và cụm từ định danh. Trong số đó, số lượng thuật ngữ là từ ghép chiếm tỉ lệ cao nhất.

Như vậy, xét về phương thức cấu tạo, các thuật ngữ thời trang trong hai ngôn ngữ có sự tương quan với nhau ở phương thức cấu tạo từ. Các đơn vị thuật ngữ trong cả hai hệ thuật ngữ có từ đơn, từ ghép và cụm từ. Trong đó, từ ghép và cụm từ chiếm số lượng nổi trội hơn so với các loại từ khác. Từ phái sinh và từ viết tắt chỉ xuất hiện trong tiếng Anh. Từ ghép đẳng lập chỉ xuất hiện trong các thuật ngữ tiếng Việt.

Có thể nói, ghép từ là phương thức cấu tạo từ phổ biến và đóng vai trò tạo ra khả năng sinh sản từ mạnh nhất trong hai ngôn ngữ. Trong tiếng Anh, các thuật ngữ là từ ghép chính phụ được cấu thành tuân theo nguyên tắc cấu tạo từ tiếng Anh: thành tố chính đứng sau và các thành tố phụ đứng trước. Trong tiếng Việt, các thuật ngữ là từ ghép chính phụ được cấu thành tuân theo nguyên tắc trật tự từ tiếng Việt: thành tố chính đứng trước và các thành tố phụ đứng sau.

Sự khác nhau về loại hình ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt (tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, tiếng Anh thuộc loại hình ngôn ngữ biến hình) đã tạo nên sự khác biệt nổi bật trong phương thức cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh, đó là: phương thức thêm phụ tố (tiền tố và hậu tố) được sử dụng để cấu tạo nên các thuật ngữ tiếng Anh, nhưng không được sử dụng để cấu tạo nên các thuật ngữ tiếng Việt.

2.4.2. Về đặc điểm từ loại

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh: Theo khảo sát của chúng tôi, thuật ngữ tiếng Anh là từ đơn xuất hiện ở dạng danh từ, động từ và tính từ. Trong đó, danh từ chiếm số lượng nổi trội; động từ và tính từ chiếm số lượng không đáng kể. Thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép cũng xuất hiện ở dạng danh từ, động từ và tính từ. Động từ và tính từ chiếm tỉ lệ rất thấp, trong khi đó danh từ vẫn chiếm tỉ lệ hàng đầu. Thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh bao gồm từ phái sinh thêm tiền tố, từ phái sinh thêm hậu tố; từ phái sinh thêm cả tiền tố và hậu tố. Các thuật ngữ này xuất hiện ở dạng danh từ và tính từ. Trong đó, danh từ có số lượng nhiều hơn tính từ. Căn cứ số liệu khảo sát đã lựa chọn, chúng tôi nhận thấy, thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh chỉ tồn tại ở dạng cụm danh từ, không có cụm động từ và cụm tính từ nào xuất hiện.

Thuật ngữ thời trang tiếng Việt: Sau khi tiến hành phân tích số liệu, chúng tôi nhận thấy: thuật ngữ tiếng Việt là từ đơn xuất hiện ở dạng danh từ và động từ. Số lượng danh từ nhiều hơn động từ. Thuật ngữ tiếng Việt là từ ghép tồn tại dưới dạng từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ. Trong số này, danh từ chiếm ưu thế nổi trội hơn hẳn so với các loại từ khác. Thuật ngữ tiếng Việt là cụm từ định danh xuất hiện ở dạng cụm danh từ và cụm động từ, không có cụm tính từ. Cụm danh từ chiếm số lượng nổi trội, trong khi sự có mặt cụm động từ chiếm số lượng rất ít.

Kết quả khảo sát và phân tích trên cho thấy, thuật ngữ thời trang tiếng Anh được hình thành từ phương thức phái sinh (thêm phụ tố), ghép từ và viết tắt. Do vậy, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh xuất hiện dưới dạng: từ đơn, từ ghép, từ phái sinh, từ viết tắt và cụm từ định danh. Thuật ngữ thời trang tiếng Việt được cấu thành dưới dạng: từ đơn, từ ghép (từ ghép chính phụ, từ ghép đẳng lập) và cụm từ định danh. Trong tiếng Anh, đối với các thuật ngữ là từ ghép chính phụ: các thành tố phụ

đứng trước, bổ nghĩa cho thành tố chính đứng sau. Trong tiếng Việt, đối với các thuật ngữ là từ ghép chính phụ: thành tố chính đứng trước và được bổ trợ bởi các thành tố phụ đứng sau. Các thuật ngữ thời trang trong hai ngôn ngữ có thể là danh từ, động từ, tính từ, cụm danh từ và cụm động từ. Trong đó, thuật ngữ là danh từ và cụm danh từ chiếm số lượng nổi trội hơn nhiều so với các thuật ngữ là loại từ khác. Điều này phù hợp chức năng định danh - chức năng chính của danh từ trong mọi ngôn ngữ.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu, phân tích và so sánh đối chiếu, bài viết đã chứng minh thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều điểm tương đồng và khác biệt về phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại. Đánh giá tổng thể, các thuật ngữ thời trang trong hai ngôn ngữ đều phong phú về mặt từ loại và được xây dựng tuân theo đúng nguyên tắc cấu tạo từ của hai hệ ngôn ngữ. Các kết quả nghiên cứu trên là nguồn thông tin hữu ích cho các nghiên cứu chuyên sâu về từ vựng và đối chiếu từ vựng; đồng thời góp phần làm tư liệu phục vụ giảng dạy ngôn ngữ và biên soạn từ điển song ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Tài Cẩn (1994), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, H.
2. Mai Ngọc Chừ; Vũ Đức Nghiệu & Hoàng Trọng Phiến (1997), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.
3. Hà Quang Năng, Nguyễn Văn Lợi, Lê Thị Lê Thanh, Quách Thị Gấm, Trịnh Thị Thu Hiền và Hà Thị Quế Hương (2012), *Thuật ngữ học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Từ điển Bách khoa, H.
4. Nguyễn Đức Tồn (2016), *Thuật ngữ học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, H.
5. http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/

Tiếng Anh

6. Richards, J, Platt, J. and Weber, H. (1987), *Longman Dictionary of Applied Linguistics*, Longman.
7. Oxford English Dictionary (2012), 7th edition, Oxford University Press.

Structural features of fashion terminologies in English and Vietnamese in terms of terminology formation methods and word classes

Abstract: Fashion terminologies are words and phrases denoting concepts, objects, things, phenomena, properties, activities... of the fashion industry. The study on fashion terminologies, especially a contrastive analysis of fashion terminologies in English and Vietnamese has practical significance for scientific research and social life today. Based on theoretical background and actual surveys, the paper presented the structural features of fashion terminologies in English and Vietnamese in terms of terminology formation methods and word classes. As a result, specific analyses and assessments on the differences and similarities of the structural features among these terminologies were concluded.

Key words: Compare; structural feature; fashion terminology; terminology formation methods; word classes.